

Sở Giáo dục và Đào tạo Hồ Chí Minh
 Phổ thông Năng khiếu TDTT Bình Chánh



BÁO CÁO TỔNG HỢP HỒ SƠ HỌC SINH

NĂM HỌC: 2023-2024

STT	Khối	Lớp	Tổng số HS	Nữ		Dân tộc		Nữ dân tộc		Khuyết tật		Diện chính sách	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1		TỔNG SỐ	1,336	590	44.2	36	2.7	19	1.4	1	0.1	16	1.2
2	10	Tổng khối 10	455	210	46.2	13	2.9	5	1.1	1	0.2	1	0.2
3	10	10C1	46	23	50.0	2	4.3	2	4.3				
4	10	10C2	47	22	46.8	2	4.3	1	2.1				
5	10	10C3	47	16	34.0	1	2.1						
6	10	10C4	48	15	31.3	2	4.2						
7	10	10C5	48	29	60.4	1	2.1	1	2.1				
8	10	10C6	47	24	51.1								
9	10	10C7	48	34	70.8								
10	10	10C8	47	29	61.7	1	2.1						
11	10	10C9	49	16	32.7	4	8.2	1	2.0	1	2.0	1	2.0
12	10	10C10	28	2	7.1								
13	11	Tổng khối 11	507	229	45.2	11	2.2	6	1.2				
14	11	11B1	39	13	33.3	2	5.1	2	5.1				
15	11	11B2	44	16	36.4								
16	11	11B3	42	15	35.7								
17	11	11B4	43	16	37.2	1	2.3						
18	11	11B5	41	18	43.9	3	7.3	1	2.4				
19	11	11B6	40	20	50.0								
20	11	11B7	38	21	55.3	1	2.6	1	2.6				
21	11	11B8	41	29	70.7	1	2.4						
22	11	11B9	39	23	59.0	1	2.6	1	2.6				
23	11	11B10	34	23	67.6								
24	11	11B11	35	17	48.6	1	2.9						
25	11	11B12	42	14	33.3	1	2.4	1	2.4				
26	11	11B13	29	4	13.8								

STT	Khối	Lớp	Tổng số HS	Nữ		Dân tộc		Nữ dân tộc		Khuyết tật		Diện chính sách	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
27	12	Tổng khối 12	374	151	40.4	12	3.2	8	2.1			15	4.0
28	12	12A1	47	24	51.1	1	2.1	1	2.1			2	4.3
29	12	12A2	46	12	26.1	1	2.2	1	2.2				
30	12	12A3	45	13	28.9	2	4.4	1	2.2			2	4.4
31	12	12A4	46	33	71.7	2	4.3					2	4.3
32	12	12A5	38	17	44.7	1	2.6	1	2.6			4	10.5
33	12	12A6	42	15	35.7	1	2.4	1	2.4			2	4.8
34	12	12A7	43	17	39.5	1	2.3	1	2.3			1	2.3
35	12	12A8	41	17	41.5	3	7.3	2	4.9			2	4.9
36	12	12A9	26	3	11.5								